

Số: 192/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 08 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 384/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Bà Lưu Thị L, sinh năm 1989.

CCCD số 068189012966, cấp ngày 27/4/2022 tại Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã L, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972.

CCCD số 075072013098, cấp ngày 12/8/2021 tại Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố L, phường T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lưu Thị L và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B (Nay là Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 200/2014 ngày 05 tháng 11 năm 2014. Do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2]. *Về con chung:* Bà L, ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 08/10/2015. Ly hôn, bà L, ông T thỏa thuận bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Ông T tạm thời không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi

con của bà L và ông T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4.] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. *Về lệ phí sơ thẩm*: Bà L và ông T mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01 tháng 4 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

– *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lưu Thị L và ông Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

– *Về con chung*: Bà L và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 08/10/2015. Ly hôn, bà L và ông T thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

– *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

– *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

2. *Về lệ phí Tòa án*: Bà Lưu Thị L và ông Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0005463 ngày 13/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà L và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV2 – Đồng Nai;
- Phòng THADS Khu vực 2;
- UBND phường Tam Phước, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thành